TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÁNH LINH

CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **46/**2017/HNGĐ-ST.
Ngày: 21 – 12 - 2017.
"V/v : Ly hôn và tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- ***Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông L Xuân Vĩnh.

2. Bà Đinh Thị Nguyệt.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Hồ Văn Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Ngọc Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2017, tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 165/2017/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 06 năm 2017, về việc "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2017/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Anh Lê Sĩ H, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn 3 – xã Đ – Tánh Linh – Bình Thuận: Có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Lê Thị Bích L, sinh năm 1972; địa chỉ: Xóm 2 - KP. L - TT. L- Tánh Linh - Bình Thuận: Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn – anh Lê Sĩ H trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Sĩ H và chị Lê Thị Bích L tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ vào năm 2003. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Do chị L làm ăn thua lỗ và nợ tiền người khác nên vợ chồng gây gỗ, cải vã nhau; từ năm 2004 chị L đã bỏ đi khỏi địa phương vào thành phố Hồ Chí Minh sinh sống cho đến nay. Anh H chỉ biết hiện nay chị L đang sống ở Thành phố Hồ Chí Minh chứ không biết địa chỉ cụ thể của chị L ở đâu. Anh H không còn tình cảm với

chị L và không muốn tiếp tục chung sống với chị L nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

- Về con chung: Anh H và chị L có một người con chung tên là Lê Anh T, sinh ngày 13/11/2002. Anh H yêu cầu được quyền nuôi dưỡng người con chung này cho đến khi thành niên và không yêu cầu chị L cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] **S**au khi tiến hành đầy đủ các thủ tục xác minh, niêm yết theo quy định của pháp luật, Tòa án đã thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, thông báo cho bị đơn - Chị Lê Thị Bích L về Tòa án để giải quyết việc ly hôn với anh Lê Sĩ H; tuy nhiên chị L không đến Tòa án làm việc nên không thể tiến hành lấy lời khai của chị L được.

[3 Những chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án:

Trong quá trình tố tụng, nguyên đơn – Anh Lê Sĩ H đã cung cấp cho Tòa án những chứng cứ sau:

- 01 trích lục kết hôn (bản sao) số 08/TLKH-BS, ngày 06/3/2017 của Ủy ban nhân dân xã Đ.

- 01 trích lục khai sinh (bản sao) số 14/TLKS-BS, ngày 06/3/2017 của Ủy ban nhân dân xã Đ, mang tên Lê Anh T.

- 01 đơn xin xác nhận, đề ngày 03/4/2017, về việc cư trú của chị Lê Thị Bích L tại địa phương khu phố L, thị trấn L.

Tòa án đã tiến hành lập biên bản xác minh xác định nơi cư trú của chị L; tiến hành thủ tục đăng tin, thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng tại báo Công lý số 57, ngày 19/7/2017, số 58, ngày 21/7/2017 và số 59, ngày 26/9/2017 và đài tiếng nói Việt Nam nội dung đăng tin "thông báo cho chị L về Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh để giải quyết việc ly hôn với anh Lê Sĩ H".

[4]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến như sau:

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay đương sự đã thực hiện đúng các quy định BLTTDS.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 146, 147, 203, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Lê Sĩ H được ly hôn với chị Lê Thị Bích L.

Về con chung: Giao cháu Lê Anh T cho anh Lê Sĩ H nuôi dưỡng, chị L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho anh Lê Sĩ H, nhưng được thăm nom con; anh H không được ngăn cản.

Về án phí: Anh Lê Sĩ H phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm (đã nộp).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục xác minh; cấp, tống đạt; niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án và đăng tin, thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo đúng quy định của pháp luật. Thế nhưng, bị đơn - Chị Lê Thị Bích L vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án ly hôn với anh H theo quy định. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết vắng mặt chị Lê Thị Bích L. Xét thấy: Tòa án đã tiến hành các thủ tục tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị L, nhưng tại phiên tòa hôm nay chị L đã vắng mặt không có lý do. Cho nên, Hội đồng xét xử - quyết định xét xử vắng mặt bị đơn - Chị Lê Thị Bích L là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

[2]. Về quan hệ pháp luật pháp luật trong vụ án:

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn - Anh Lê Sĩ H yêu cầu giải quyết ly hôn và giải quyết việc nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án này là *"Ly hôn và tranh chấp về việc nuôi con"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS.

[3]. Xét yêu cầu của anh Lê Sĩ H:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Sĩ H và chị Lê Thị Bích L tự nguyện đăng ký kết hôn theo quy định vào năm 2003 tại UBND xã Đ, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian. Do trong cuộc sống có khó khăn về kinh tế nên đến tháng 02/2014 chị L đã bỏ nhà đi làm ăn xa. Thời gian này, anh H đã nhiều lần vận động chị L quay về chung sống lại với nhau, nhưng chị L vẫn không đồng ý nên vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Thời gian sống ly thân, giữa anh H và chị L không còn liên lạc hay quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Tại phiên

tòa anh H xác định không còn tình cảm gì với chị L và không mong muốn quay về chung sống lại với nhau nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Xét thấy: Anh H và chị L đã ly thân một thời gian dài; cả hai không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Anh H không còn mong muốn sống chung với chị L. Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/7/2017 (bút lục 16) của cháu Lê Anh T là con chung của anh H, chị L thể hiện "….Hiện nay chị L đang chung sống với người đàn ông khác và đã có 01 người con….". Điều đó, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần xử cho anh H được ly hôn với chị L là phù hợp với quy định khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, anh Lê Sĩ H và chị Lê Thị Bích L có một người con chung tên là Lê Anh T, sinh ngày 13/11/2002. Nếu ly hôn anh H có nguyện vọng được tiếp tục nuôi cháu Thư cho đến khi thành niên. Tại biên bản lấy lời khai của cháu Lê Anh T, ngày 05/7/2017 (bút lục: 16) thể hiện: Nếu anh H, chị L ly hôn thì cháu T có nguyện vọng được sống với anh H.

Xét thấy: Từ năm 2004 chị L đã bỏ nhà đi và không còn sinh sống tại địa phương. Trong thời gian này cháu Thư do anh H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và cháu Thư có nguyện vọng được tiếp tục chung sống với anh H. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy việc giao người con chung Lê Anh T, sinh ngày 13/11/2002 cho anh H được quyền nuôi dưỡng cho đến khi thành niên là phù hợp.

[4]. Về nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con: Anh Lê Sĩ H không yêu cầu chị Lê Thị Bích L phải cấp dưỡng tiền nuôi con nên HĐXX không xét đến.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Lê Sĩ H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[6]. Về án phí: Cần buộc anh Lê Sĩ H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là phù hợp với Điều 147 BLTTDS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH XIV, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, các Điều 147, 227, 228, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Sĩ H được ly hôn với chị Lê Thị Bích L.

- Về con chung: Tiếp tục giao cho anh Lê Sĩ H có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục một người con chung tên Lê Anh T, sinh ngày 13/11/2002 cho đến khi thành niên.

Chị Lê Thị Bích L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho anh Lê Sĩ H nhưng được quyền thăm nom, chăm sóc con; anh H không được ngăn cản.

- Về án phí: Buộc anh Lê Sĩ H phải nộp 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, sung công quỹ Nhà nước nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh H đã nộp là 300.000đồng theo biên lai số N.0011971 ngày 07/6/2017, của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tánh Linh. Anh Lê Sĩ H đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án – Ngày 21/12/2017; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết (Đã giải thích quyền kháng cáo).

Nơi nhận:
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã Đức Bình;
- UBND T.T Lạc Tánh;
- CC.Thi hành án DS;
- L HS, án văn.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa